TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/DS-ST
Ngày: 21/4/2025
"V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
Vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hoàng
Ông Nguyễn Viết Thanh

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 18 và ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 877/2024/TLST- DS ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 83/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Thiên N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 7, Khu dân cư Tân Đức, Ấp X, xã Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thiên N: Anh Võ Hoài Ph, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp X, xã Y, tỉnh Long An (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 13/12/2024)

- Bị đơn: Nguyễn Văn P, sinh năm 1974

Võ Thị Mỹ O, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp A, Phường B, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 là bà Võ Thị Mỹ O, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp A, Phường B, tỉnh Đồng Tháp .

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 2006

Địa chỉ: Tổ 11, ấp A, Phường B, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn Lê Thị Thiên N, đại diện của nguyên đơn là anh Võ Hoài Ph trình bày:

Vào ngày 13/7/2022 ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Võ Thị Mỹ O cư ngụ tại Tổ 11, ấp Đông Thạnh, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có mượn của bà Lê Thị Thiên N số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, thoả thuận cho mượn này được lập thành văn bản (kèm theo) vào ngày 10/8/2022 (nhằm 13/7/2022 âm lịch), không có lãi suất.

Vào ngày 08/08/2022 ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Võ Thị Mỹ O cư ngụ tại Tổ 11, ấp Đông Thạnh, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có mượn của bà số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống thoả thuận cho mượn này được lập thành văn bản (kèm theo) vào ngày 03/9/2022 (nhằm 08/8/2022 âm lịch), không có lãi suất.

Tổng số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và cam kết trả tiền lại cho bà N theo văn bản thoả thuận ngày 24/12/2023 vào các ngày sau:

Đợt 1: Vào ngày 23/04/2024 nhằm ngày 15/03/2024 (âm lịch) sẻ trả cho bà 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Đợt 2: Vào ngày 02/10/2024 nhằm ngày 30/08/2024 (âm lịch) sẻ trả cho bà 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Nhưng hiện vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận ban đầu, bà N đả nhiều lần trao đổi qua điện thoại, xuống nhà gặp trực tiếp, gửi thư qua đường bưu điện nhưng ông Phương cùng vợ là bà O vẫn không thực hiện việc trả tiền cho bà N theo cam kết ban đầu.

Nay bà Lê Thị Thiên N yêu cầu bà Võ Thị Mỹ O và ông Nguyễn Văn P trả cho bà Lê Thị Thiên N số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 13/7/2022 đến ngày 13/10/2024 là 400.000.000đồng x 1,66%/tháng x 27 tháng = 179.280.000đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 579.280.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng). Bà N yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với mức lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 14/10/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Nguyên đơn thừa nhận khi cho vay không thỏa thuận lãi suất nay yêu cầu tính lãi 20%/năm căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự.

Biên nhận ngày 08/8/2022 do bà N viết, anh Phương ký tên và lăn tay. Biên nhận ngày 13/7/2022 do bà N viết anh Phương và bà O ký tên lăn tay. Biên nhận ngày 24/12/2023 do anh Phương viết và anh Phương, bà O ký tên lăn tay.

Bà N thừa nhận giữa bà N và ông Phương, bà O ngoài Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023 và số tiền vay là 400.000.000 đồng thì không còn biên nhận và khoản nợ nào khác.

Bà N thừa nhận từ ngày 8/9/2022 đến 31/8/2023, anh Nguyễn Đức H có chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà tổng số tiền là 225.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý chấp nhận cấn trừ vì 225.000.000 đồng anh Hòa chuyển là khoản tiền khác không phải khoản tiền tranh chấp trong vụ kiện này. Và thời gian chuyển tiền từ ngày 8/9/2022 đến 31/8/2023 sau đó ngày 24/12/2023 bà O, anh Phương ghi văn bản thoả thuận cam kết trả tiền lại cho bà N vào các ngày sau:

Đợt 1: Vào ngày 23/04/2024 nhằm ngày 15/03/2024 (âm lịch) sẻ trả cho bà 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Đợt 2: Vào ngày 02/10/2024 nhằm ngày 30/08/2024 (âm lịch) sẻ trả cho bà 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Bên cạnh đó, nội dung chuyển khoản chỉ ghi: 'Nguyễn Đức H chuyển tiền", ngoài ra không ghi nội dung nào khác.

Do đó, chứng minh số tiền anh Hòa chuyển không phải trả cho khoản tiền 400.000.000 đồng khởi kiện trong vụ án này. Nếu Hòa yêu cầu bà N trả thì trả trong vụ án khác không liên quan đến ông Phương, bà O trong vụ án này. Bà N không có yêu cầu đối với anh Hòa trong vụ án này. Việc bà O, ông Phương rút yêu cầu đối với số tiền 225.000.000 đồng bà đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Thiên N yêu cầu bà Võ Thị Mỹ O và ông Nguyễn Văn P trả cho bà Lê Thị Thiên N số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 02/10/2024 đến ngày 21/4/2025 là 400.000.000đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng = 46.480.000đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 446.480.000 đồng. Bà N yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với mức lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 21/4/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

2. Trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị Mỹ O, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P trình bày:

Anh Phương, bà O thống nhất Biên nhận ngày 08/8/2022 do bà N viết, anh Phương ký tên và lăn tay; Biên nhận ngày 13/7/2022 do bà N viết anh Phương và bà O ký tên lăn tay. Biên nhận ngày 24/12/2023 do bà O viết và anh Phương, bà O ký tên lăn tay. Bà O cho rằng mình bị ép và không hiểu biết nên mới ghi nội dung như vậy nhưng không có chứng cứ chứng minh và không yêu cầu xử lý hình sự về vấn đề này.

Giữa bà N và ông Phương, bà O ngoài Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023 và số tiền vay là 400.000.000 đồng thì không còn biên nhận và khoản nợ nào khác.

Bị đơn yêu cầu cấn trừ số tiền 225.00.000 đồng vào số tiền 400.000.000 đồng như vậy số tiền phải trả là 175.000.000 đồng. Nhưng ngoài chứng cứ là ủy nhiệm chi chuyển tiền qua Ngân hàng từ tài khoản của anh Hòa qua tài

khoản của bà N thì không còn chứng cứ nào khác. Bà không yêu cầu anh Nguyễn Đức H trong vụ án này.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn rút yêu cầu cấn trừ số tiền 225.00.000 đồng vào số tiền 400.000.000 đồng để anh Hòa khởi kiện vụ kiện khác khi có yêu cầu. Bà không có yêu cầu nào khác.

Bà O và ông Phương đồng ý trả số tiền vốn vay 400.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023 nhưng không đồng ý trả lãi vì gia đình khó khăn và khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi suất.

3. **Người làm chứng Nguyễn Đức H trình bày:**

Từ ngày 8/9/2022 đến 31/8/2023, bà O có đưa tiền cho anh Hòa với tổng số tiền là 225.000.000 đồng để chuyển vào Ngân hàng cho bà N nội dung là 'Nguyễn Đức H chuyển tiền", ngoài ra không ghi nội dung nào khác. Bản thân anh cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền 225.000.000 đồng có liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng trong vụ án này. Tại phiên tòa hôm nay, bà N không đồng ý cấn trừ và số nợ 400.000.000 đồng mà ông Phương, bà O vay của bà N thì anh Hòa cũng không yêu cầu bà N, bà O, ông Phương trả lại anh số tiền này trong vụ án hiện tại. Anh sẽ khởi kiện đòi lại bà N số tiền này trong vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thiên N các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn Nguyễn Văn P, Võ Thị Mỹ O, cùng địa chỉ: Tổ 11, ấp Đông Thạnh, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 13/7/2022 ông Nguyễn Văn P cùng vợ là bà Võ Thị Mỹ O cư ngụ tại Tổ 11, ấp Đông Thạnh, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp có mượn của bà Lê Thị Thiên N số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống, thoả thuận cho mượn này được lập thành lập bằng văn bản (kèm theo) vào ngày 10/8/2022 (nhằm 13/7/2022 âm lịch), không có lãi suất. Vào ngày 08/08/2022 ông Nguyễn Văn P và bà Võ Thị Mỹ O tiếp tục vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống thoả thuận cho mượn này được lập thành lập bằng văn bản (kèm theo) vào ngày 03/9/2022 (nhằm 08/8/2022 âm lịch), không có lãi suất. Tổng số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và cam kết trả tiền lại cho bà

N theo văn bản thoả thuận ngày 24/12/2023 vào các ngày 23/04/2024 nhằm ngày 15/03/2024 (âm lịch) trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); ngày 02/10/2024 nhằm ngày 30/08/2024 (âm lịch) trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Nhưng ông Phương, bà O không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thoả thuận ban đầu.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Thiên N yêu cầu bà Võ Thị Mỹ O và ông Nguyễn Văn P trả cho bà Lê Thị Thiên N số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 02/10/2024 đến ngày 21/4/2025 là 400.000.000đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng = 46.480.000đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 446.480.000 đồng. Bà N yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với mức lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 21/4/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

[2.1] Tiền vốn vay: ông Phương, bà O thống nhất Biên nhận ngày 08/8/2022 do ông bà ký tên và lăn tay; Biên nhận ngày 13/7/2022 do bà N viết ông Phương và bà O ký tên lăn tay. Biên nhận ngày 24/12/2023 do bà O viết và ông Phương, bà O ký tên lăn tay.

Các đương sự thừa nhận giữa bà N và ông Phương, bà O ngoài Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023 và số tiền vay là 400.000.000 đồng thì không còn biên nhận và khoản nợ nào khác.

Hội đồng xét xử xét Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023 thể hiện ông Phương, bà O có vay của bà N số tiền 400.000.000 đồng, xác định thời hạn thời hạn trả tiền vay cuối vào ngày 02/10/2024, giao dịch này đủ điều kiện có hiệu lực pháp luật nên ông Phương, bà O phải có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về việc cấn trừ tiền vốn vay: bị đơn yêu cầu cấn trừ tiền vốn vay là 225.000.000 đồng mà anh Nguyễn Đức H đã chuyển khoản cho bà N từ ngày 8/9/2022 đến 31/8/2023 nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn rút đối với yêu cầu cấn trừ 225.000.000 đồng là tự nguyện và không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự khác nên chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: tiền lãi từ ngày 02/10/2024 đến ngày 21/4/2025 là 400.000.000đồng x 1,66%/tháng x 07 tháng = 46.480.000đồng. Bà N yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật với mức lãi suất là 1,66%/tháng từ ngày 21/4/2025 đến khi giải quyết xong vụ án.

Xét Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023 không thỏa thuận về lãi suất và các đương sự cũng thừa

nhận vấn đề này nên căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

" Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015

Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 hoặc xác lập trước ngày 01-01-2017 nhưng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết này thì tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng được xác định như sau:

1. Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);"

Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh số tiền lãi theo quy định của pháp luật và Biên nhận ngày 24/12/2023 giữa các đương sự:

400.000.000 đồng x 10%/năm x (từ ngày 02/10/2024 đến 21/4/2025 là 6 tháng) = 19.920.000 đồng

[3] Đối với anh Nguyễn Đức H do các đương sự trong vụ án và bản thân anh Hòa không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 225.000.000 đồng trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đưa anh Nguyễn Đức H vào tham gia tố tụng. Anh Nguyễn Đức H có quyền khởi kiện vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, ông Phương, bà O chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện bà N được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 401, Điều 357, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thiên N.

Buộc bà Võ Thị Mỹ O và ông Nguyễn Văn P trả cho chị Lê Thị Thiên N số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 19.920.000 đồng theo Biên nhận ngày 08/8/2022, Biên nhận ngày 13/7/2022, Biên nhận ngày 24/12/2023

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấn trừ số tiền 225.000.000 đồng bà Võ Thị Mỹ O và ông Nguyễn Văn P

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Mỹ O và ông Nguyễn Văn P phải chịu 20.797.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thiên N phải chịu án phí 1.328.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền 13.586.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013147 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Mai